

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 954/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 254/2 đường M, Phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Thanh C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: F20 đường L, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà và ông Lương Thanh C có thời gian tìm hiểu khoảng 07 năm, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không tổ chức đám cưới và không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do thời điểm đó kinh tế khó khăn, đường xá xa xôi nên bà và ông C không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi sống chung thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Vì vậy, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Từ giữa năm 2014 hai vợ chồng

sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lương Thanh C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Lương Thu P, sinh năm 1998. Do cháu P đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lương Thanh C trình bày:

Ông xác định về cuộc sống chung của vợ chồng đúng như bà H trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như bà H đã trình bày. Từ giữa năm 2014 hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Lương Thu P, sinh năm 1998. Do cháu P đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lương Thanh C có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị H, bị đơn ông Lương Thanh C vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Đỗ Thị H và ông Lương Thanh C tự nguyện tìm hiểu, mặc dù có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng nên hôn nhân giữa bà H và ông C là không hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C thì thấy: Theo bà H và ông C nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Vì vậy, giữa hai vợ

chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Từ giữa năm 2014 hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[2.3]. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường P, Phường C và phường N xác định qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường P, Phường C và phường N không có thông tin đăng ký kết hôn của bà Đỗ Thị H và ông Lương Thanh C từ năm 1997 đến nay.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông C là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị H và ông Lương Thanh C.

[2.5]. Về con chung: Bà Đỗ Thị H và ông Lương Thanh C có 01 con chung tên Lương Thu P, sinh năm 1998. Do cháu P đã trưởng thành nên bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với ông Lương Thanh C.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Lương Thanh C là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà H và ông C có 01 con chung tên Lương Thu P, sinh năm 1998. Do cháu P đã trưởng thành nên bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003364 ngày 26-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương